

Số: 05 /CTr-UBND

Hải Phòng, ngày 09 tháng 9 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH

Thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố thực hiện mục tiêu chỉ số IIP năm 2026 đạt 15,5% - 16,5%

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 15/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế GRDP 6 tháng cuối năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 đạt bình quân từ 13%/năm trở lên;

Căn cứ Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 22/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 15/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế GRDP 6 tháng cuối năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 đạt bình quân từ 13%/năm trở lên;

Căn cứ Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 31/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) 6 tháng cuối năm 2026 của thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản số 4988/SCT-QLCN ngày 30/8/2026; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chương trình thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố thực hiện mục tiêu chỉ số IIP năm 2026 đạt 15,5%-16,5% như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy sản xuất công nghiệp trong những tháng cuối năm 2026; khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có, khơi thông các điểm nghẽn về nguyên liệu, thị trường, lao động, vốn, đất đai, thủ tục đầu tư, môi trường, năng lượng và logistics.

- Tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp, dự án công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng tăng nhanh sản lượng và đóng góp trực tiếp vào chỉ số IIP; đặc biệt là các doanh nghiệp có sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản xuất công nghiệp của thành phố.

- Đẩy nhanh tiến độ đưa các dự án công nghiệp mới hoàn thành đầu tư, chạy thử, sản xuất thương mại trong năm 2026 vào hoạt động; đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp đang có đơn hàng, thị trường và năng lực sản xuất nhưng còn gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức sản xuất.

- Phân đầu hoàn thành mục tiêu IIP năm 2026 tăng 15,5% - 16,5%, tạo nền tảng thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP thành phố năm 2026 từ 13% trở lên.

2. Yêu cầu

- Chuyển từ phương thức theo dõi, tổng hợp tình hình sang chủ động điều hành, tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy sản xuất.

- Xác định rõ doanh nghiệp, dự án, sản phẩm và ngành công nghiệp có khả năng đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng IIP; không triển khai dàn trải.

- Bám sát diễn biến sản xuất của từng ngành, từng doanh nghiệp trọng điểm. Thực hiện theo nguyên tắc: “sát doanh nghiệp - rõ sản lượng - rõ doanh thu - rõ tiến độ dự án – xác định điểm nghẽn - xử lý ngay”.

- Phân công nhiệm vụ theo nguyên tắc “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”. Đánh giá kết quả thực hiện hằng tháng, gắn trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ với tiến độ và kết quả thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tập trung thúc đẩy sản xuất công nghiệp, khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có, đẩy nhanh việc hình thành năng lực sản xuất mới từ các dự án công nghiệp, tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn về hạ tầng, mặt bằng, điện, xăng dầu, lao động, thủ tục đầu tư và thị trường.

- Phân đầu chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2026 tăng 15,5% - 16,5% so với năm 2025, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP thành phố năm 2026.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nhóm doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trọng điểm doanh thu trên 1.000 tỷ đồng

- Hoàn thành việc rà soát, lập danh sách doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp và trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng, có đóng góp lớn vào chỉ số IIP; xây dựng cơ chế theo dõi, đồng hành, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và tháo gỡ khó khăn cho từng doanh nghiệp.

- 100% doanh nghiệp trọng điểm được thường xuyên theo dõi, nắm bắt kế hoạch sản xuất, đơn hàng, công suất, sản lượng dự kiến và khó khăn, vướng mắc.

- Theo dõi, cập nhật sản lượng, công suất và khả năng tăng/giảm sản lượng của từng doanh nghiệp theo tháng.

2.2. Phát triển Khu công nghiệp (KCN), Cụm công nghiệp (CCN)

- Xác định đường găng tiến độ đối với các dự án hạ tầng có tác động lớn đến tăng trưởng.

-100% các khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng hạ tầng các KCN, CCN được giải quyết triệt để, không để chậm tiến độ hạ tầng trở thành điểm nghẽn làm chậm tiến độ triển khai, đưa vào sản xuất của các dự án công nghiệp.

2.3. Nhóm dự án công nghiệp tạo năng lực sản xuất mới:

Phân đầu 100% các dự án sản xuất công nghiệp có tổng vốn đầu tư trên 10 triệu USD đã đi vào hoạt động và các dự án dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2026 bảo đảm tiến độ đủ điều kiện được đẩy nhanh đưa vào sản xuất, tăng đơn hàng, tăng sản lượng theo kế hoạch và đóng góp vào tăng trưởng công nghiệp.

2.4. Bảo đảm các điều kiện thiết yếu cho sản xuất

Bảo đảm 100% nhu cầu điện, xăng dầu và các điều kiện đầu vào thiết yếu cho sản xuất; 100% điểm nghẽn có nguy cơ ảnh hưởng đến sản lượng công nghiệp được phát hiện, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền trong thời gian sớm nhất; phân đầu không để xảy ra gián đoạn sản xuất do thiếu điện, xăng dầu hoặc các điều kiện đầu vào thuộc thẩm quyền của UBND thành phố.

2.5. Bảo đảm thu hút, đào tạo nguồn lao động

- Rà soát nhu cầu lao động của các doanh nghiệp, nhất là các dự án, doanh nghiệp quy mô lớn; nhằm phục vụ việc xây dựng phương án thu hút, kết nối và đào tạo lao động đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; phân đầu hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng đủ lao động theo tiến độ mở rộng sản xuất và đưa dự án vào hoạt động.

- Tổ chức ít nhất 03 hoạt động kết nối cung - cầu lao động tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, các địa phương có nhu cầu tuyển dụng lớn; giữa doanh nghiệp với cơ sở đào tạo và người lao động; phân đầu hỗ trợ, kết nối đáp ứng đầy đủ nhu cầu lao động cấp thiết của các doanh nghiệp, không để thiếu hụt lao động kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ và sản lượng sản xuất.

2.6. Đẩy mạnh khai thác các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường tiềm năng

Hướng dẫn, hỗ trợ 100% doanh nghiệp có nhu cầu tiếp cận thông tin, đối tác, thị trường xuất khẩu và hoạt động xúc tiến thương mại nhằm duy trì, mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm và tăng đơn hàng xuất khẩu.

2.7. Theo dõi và điều hành chỉ số phát triển công nghiệp IIP

- Thiết lập cơ chế theo dõi IIP hằng tháng; phân tích kết quả theo ngành, nhóm sản phẩm và doanh nghiệp trọng điểm; xác định phần tăng trưởng đã đạt, phần còn thiếu và nguồn có khả năng bổ sung sản lượng.

- Kịp thời cảnh báo nguy cơ không đạt mục tiêu; xác định rõ nguyên nhân, doanh nghiệp, dự án, ngành, sản phẩm và cơ quan có trách nhiệm xử lý.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Rà soát, phân loại doanh nghiệp và xác định nguồn tăng trưởng chỉ số IIP

- Rà soát, lập danh sách các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn, tập trung vào các doanh nghiệp có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng, doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn, doanh nghiệp có sản phẩm chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chỉ số IIP và doanh nghiệp có khả năng tăng nhanh sản lượng trong những tháng cuối năm 2026.

- Phân loại doanh nghiệp theo khả năng đóng góp vào tăng trưởng IIP, gồm: nhóm có khả năng tăng mạnh sản lượng; nhóm còn dư địa nâng công suất; nhóm duy trì ổn định sản xuất; nhóm có nguy cơ giảm sản lượng và nhóm đang gặp khó khăn, vướng mắc cần tập trung hỗ trợ. Xác định cụ thể các ngành, sản phẩm và doanh nghiệp có khả năng tạo thêm sản lượng trong những tháng cuối năm, làm cơ sở xác định nguồn tăng trưởng IIP và xây dựng các giải pháp thúc đẩy phù hợp với từng nhóm.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật Danh mục doanh nghiệp, ngành và sản phẩm trọng điểm cần theo dõi, xác định rõ mức độ đóng góp và các vấn đề cần tập trung tháo gỡ, làm căn cứ điều hành, phấn đấu hoàn thành mục tiêu IIP năm 2026.

2. Theo dõi doanh nghiệp công nghiệp trọng điểm (doanh thu trên 1.000 tỷ)

- Làm việc, trao đổi trực tiếp với các doanh nghiệp trọng điểm để cập nhật tình hình sản xuất, công suất hiện tại, kế hoạch sản xuất các tháng cuối năm, tình hình đơn hàng, thị trường, nguyên liệu, lao động và các yếu tố đầu vào có khả năng tác động đến sản lượng. Đánh giá khả năng tăng sản lượng, mở rộng sản xuất; cập nhật sản lượng, doanh thu, giá trị sản xuất định kỳ hằng tháng.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp về: nguyên liệu, thị trường, điện, lao động, logistics, tín dụng,...; tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và các sở, ngành liên quan tháo gỡ vướng mắc.

3. Xây dựng đường găng tiến độ đầu tư xây dựng đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Xây dựng đường găng về giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, xác định cụ thể các mốc tiến độ theo tháng, quý. Đây là cơ sở để theo dõi, đôn đốc, cảnh báo nguy cơ chậm tiến độ và kịp thời tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết.

- Chủ động kiểm tra, kịp thời hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng sạch cho chủ đầu tư thực hiện các Dự án đúng tiến độ. Tập trung tháo gỡ khó khăn về giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, xây dựng, môi trường và đấu nối hạ tầng.

- Định kỳ rà soát tiến độ; đối với dự án chậm tiến độ phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp xử lý.

4. Dự án công nghiệp tạo năng lực sản xuất mới

- Tập trung đôn đốc, chủ động phối hợp, hỗ trợ 24 dự án công nghiệp có tổng vốn đầu tư trên 10 triệu USD, thúc đẩy tăng sản lượng, tăng đơn hàng; đẩy nhanh tiến độ xây dựng (theo đường găng tiến độ đã cam kết) để sớm đi vào hoạt động sản xuất trong năm 2026, đóng góp năng lực sản xuất mới cho tăng trưởng công nghiệp.

- Đối với từng dự án phải xác định rõ: *tiến độ hiện tại - công việc còn lại - điểm nghẽn - cơ quan xử lý - thời hạn xử lý - thời điểm hoàn thành - thời điểm chạy thử - thời điểm sản xuất thương mại - sản lượng dự kiến đóng góp.*

- Ưu tiên xử lý ngay các khó khăn về đất đai, giải phóng mặt bằng, xây dựng, môi trường, điện, thủ tục đầu tư và các điều kiện cần thiết để dự án có thể sớm đi vào hoạt động.

5. Bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ sản xuất

- Theo dõi tình hình cung ứng xăng dầu, bảo đảm nguồn cung phục vụ sản xuất và lưu thông hàng hóa. Theo dõi nhu cầu điện phục vụ sản xuất; phối hợp bảo đảm cung ứng điện ổn định cho các cơ sở sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp, dự án có quy mô lớn, trọng điểm có doanh thu trên 1.000 tỷ, dự án mới đi vào và chuẩn bị đi vào hoạt động

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn, lưới điện; xử lý các khó khăn, vướng mắc trong đấu nối, cấp điện cho các khu, cụm công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất; chú trọng các dự án công nghiệp trọng điểm, dự án mới đi vào và chuẩn bị đi vào hoạt động.

6. Bảo đảm thu hút, đào tạo nguồn lao động

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2030.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025 - 2030.

- Tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động ngay tại các khu công nghiệp, khu kinh tế và các phiên giao dịch việc làm online kết nối các doanh nghiệp với người lao động trong và ngoài thành phố, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp.

7. Đẩy mạnh khai thác các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường tiềm năng

- Rà soát, đánh giá tình hình xuất khẩu theo từng thị trường, nhóm hàng; xác định các thị trường truyền thống có khả năng mở rộng và các thị trường tiềm năng có dư địa tăng trưởng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp duy trì và mở rộng thị trường truyền thống, tăng sản lượng, giá trị và đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu.

8. Theo dõi, dự báo và điều hành chỉ số IIP

- Theo dõi, cập nhật và phân tích tình hình sản xuất công nghiệp hằng tháng, tập trung vào các ngành, sản phẩm, doanh nghiệp trọng điểm và các dự án tạo năng lực sản xuất mới; xác định các yếu tố tác động làm tăng, giảm sản lượng.

- Đánh giá kết quả chỉ số IIP so với mục tiêu, kịch bản tăng trưởng, xác định cụ thể nguồn tăng trưởng, phần sản lượng còn thiếu, các ngành, doanh nghiệp có nguy cơ giảm sản lượng và các nguồn có khả năng tăng thêm sản lượng để kịp thời điều chỉnh giải pháp.

- Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xử lý các điểm nghẽn và nhiệm vụ trọng tâm tháng tiếp theo, phân công rõ cơ quan chủ trì, thời hạn thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả trên cơ sở số liệu chính thức do Thống kê thành phố công bố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và kịp thời tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến mục tiêu IIP năm 2026 trước ngày **25** hàng tháng.

2. Các sở, Ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, Thống kê thành phố Hải Phòng căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả nhiệm vụ được phân công. Báo cáo gửi về Sở Công Thương trước ngày **20** hàng tháng.

3. Các cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”; chủ động phối hợp xử lý các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền kịp thời có Văn bản gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND TP (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Các phòng XD&CT, TH, NV&KTGS;
- Lưu: VT, B.Đ.Hùng;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trung Kiên

PHỤ LỤC I: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
(Kèm theo Chương trình số **05** /CTr-UBND ngày **09 / 9 /2026** của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Phân công thực hiện		Kết quả/Sản phẩm
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
I	RÀ SOÁT, PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP VÀ XÁC ĐỊNH NGUỒN TĂNG TRƯỞNG CHỈ SỐ IIP				
1	Lập danh sách, thường xuyên rà soát doanh nghiệp công nghiệp ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng, lên kế hoạch đồng hành nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh để doanh nghiệp yên tâm sản xuất, đóng góp cho tăng trưởng	Hàng tháng	Sở Công Thương	Thống kê thành phố, Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan	Danh sách doanh nghiệp
2	Lập danh sách doanh nghiệp công nghiệp trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng, lên kế hoạch đồng hành nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh để doanh nghiệp yên tâm sản xuất, đóng góp cho tăng trưởng	Hàng tháng	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Thống kê thành phố, Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan	Danh sách doanh nghiệp
3	Lập Danh sách các dự án đầu tư đi vào hoạt động năm 2026, đóng góp tăng trưởng, mục tiêu IIP năm 2026	Hàng tháng	Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Thống kê thành phố, Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan	Danh sách doanh nghiệp (<i>Đã thực hiện rà soát, Phụ lục gồm 24 dự án đính kèm tại Chương trình</i>)

II THEO DÕI DOANH NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM					
1	Kế hoạch năm bắt tình hình sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp công nghiệp có doanh thu trên 1000 tỷ, các doanh nghiệp có doanh thu thấp, giảm ngoài KCN, KKT để doanh nghiệp yên tâm sản xuất, đóng góp cho tăng trưởng	Thường xuyên	Sở Công Thương	Các sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Văn bản hướng dẫn, Công văn phối hợp đề nghị giải quyết khó khăn, vướng mắc
2	Kế hoạch năm bắt tình hình sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp công nghiệp trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng, doanh thu thấp và giảm để doanh nghiệp yên tâm sản xuất, đóng góp cho tăng trưởng	Thường xuyên	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Văn bản hướng dẫn, Công văn phối hợp đề nghị giải quyết khó khăn, vướng mắc
3	Rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp về nguyên liệu, thị trường, điện, lao động, logistics, tín dụng và các vấn đề liên quan; phân loại theo thẩm quyền để xử lý.	Hàng tháng và đột xuất	Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Báo cáo khó khăn, vướng mắc; phương án xử lý/kiến nghị
4	Rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố làm việc, đối thoại định kỳ với doanh nghiệp, đặc biệt là hơn 200 doanh nghiệp có quy mô lớn, đóng góp cao cho GRDP và thu ngân sách thành phố	Thường xuyên	Sở Tài chính	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Sở Công Thương, Thuế thành phố Hải Phòng và các cơ quan, đơn vị liên quan	Hội nghị đối thoại doanh nghiệp
III ĐƯỜNG GẮNG TIẾN ĐỘ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP					
1	Theo dõi, đôn đốc thực hiện đường găng về giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 30 cụm công nghiệp theo các mốc tiến độ tháng, quý giai đoạn 2026-2028.	Hàng tháng và đột xuất	Sở Công Thương	Các Sở Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ đầu tư	Báo cáo tiến độ các Cụm công nghiệp; danh mục vướng mắc và kết quả xử lý

2	Theo dõi, đôn đốc tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.	Hàng tháng và đột xuất	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các Sở Công Thương; Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã	Báo cáo tiến độ các Khu công nghiệp; quyết định quy hoạch, xây dựng; danh mục vướng mắc và kết quả xử lý
3	Đẩy nhanh hoàn thiện các thủ tục về quy hoạch, xây dựng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ tiến độ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Thường xuyên	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kết quả giải quyết thủ tục
4	- Chủ động kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; đẩy nhanh bàn giao mặt bằng sạch cho chủ đầu tư; - Triển khai việc giao đất, cho thuê đất cho chủ đầu tư dự án	Thường xuyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Ủy ban nhân dân cấp xã; các sở, ngành liên quan	(1) Tiến độ GPMB; diện tích/mặt bằng được bàn giao; các vướng mắc được xử lý. (2) Quyết định giao đất, cho thuê đất
5	Triển khai thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng	Thường xuyên	Ủy ban nhân dân cấp xã	Các Sở, ngành liên quan	Các thủ tục thu hồi đất, phê duyệt và chi trả bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư; hoàn thành giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng sạch theo từng mốc tiến độ của dự án

IV CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP TẠO NĂNG LỰC SẢN XUẤT MỚI					
1	Tập trung đơn đốc, chủ động phối hợp, hỗ trợ 03 dự án công nghiệp (ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế) có tổng vốn đầu tư trên 10 triệu USD, đẩy nhanh tiến độ xây dựng (theo đường găng tiến độ đã cam kết) để sớm đi vào hoạt động sản xuất trong năm 2026, đóng góp năng lực sản xuất mới cho tăng trưởng công nghiệp.	Thường xuyên	Các Sở Tài chính; Công Thương	Sở Công Thương, Thuế Thành phố	Văn bản đơn đốc, chỉ đạo, phối hợp giải quyết vướng mắc; ...
2	Tập trung đơn đốc, chủ động phối hợp, hỗ trợ 21 dự án công nghiệp (trong khu công nghiệp, khu kinh tế) có tổng vốn đầu tư trên 10 triệu USD, đẩy nhanh tiến độ xây dựng (theo đường găng tiến độ đã cam kết) để sớm đi vào hoạt động sản xuất trong năm 2026, đóng góp năng lực sản xuất mới cho tăng trưởng công nghiệp	Thường xuyên	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Văn bản đơn đốc, chỉ đạo, phối hợp giải quyết vướng mắc; ...
V BẢO ĐẢM CÁC ĐIỀU KIỆN THIẾT YẾU CHO SẢN XUẤT					
1	Đảm bảo nguồn cung xăng dầu, đảm bảo cung ứng điện tập trung vào việc đẩy nhanh tiến độ dự án nguồn/lưới điện, tối ưu hóa vận hành hệ thống, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố.	Thường xuyên	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Văn bản hướng dẫn, Công văn chỉ đạo
2	Đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn, lưới điện; xử lý các khó khăn, vướng mắc trong đấu nối, cấp điện cho các khu, cụm công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất; chú trọng các dự án công nghiệp trọng điểm, dự án mới đi vào và chuẩn bị hoạt động.	Thường xuyên	Sở Công Thương	Công ty Điện lực Hải Phòng; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp xã	Tiến độ các dự án điện; các vướng mắc được xử lý
VI THU HÚT, ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM NGUỒN LAO ĐỘNG					
1	Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Thường xuyên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố

2	Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2030.	Thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Số lượng học sinh, sinh viên được hỗ trợ
3	Tổ chức ít nhất 03 hoạt động kết nối cung cầu lao động, các phiên giao dịch việc làm lưu động ngay tại các khu công nghiệp, khu kinh tế và các phiên giao dịch việc làm online kết nối các doanh nghiệp với người lao động trong và ngoài thành phố, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp	Thường xuyên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan	Các phiên giao dịch việc làm lưu động
4	Phối hợp, ưu tiên tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp, dự án có khả năng mở rộng sản xuất, dự án dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2026	Thường xuyên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan, doanh nghiệp	Số lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm
VII ĐẨY MẠNH THỊ TRƯỜNG TRUYỀN THỐNG VÀ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG TIỀM NĂNG					
1	Rà soát, đánh giá tình hình xuất khẩu theo từng thị trường, nhóm hàng; xác định thị trường truyền thống có khả năng mở rộng và thị trường tiềm năng có dư địa tăng trưởng; hỗ trợ doanh nghiệp duy trì, mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm và tăng đơn hàng xuất khẩu.	Thường xuyên	Sở Công Thương	Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan; các hiệp hội, doanh nghiệp	Danh mục thị trường/nhóm hàng tiềm năng; các chương trình kết nối, xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường

VIII	THEO DÕI VÀ ĐIỀU HÀNH CHỈ SỐ IIP				
1	Thiết lập cơ chế theo dõi, trao đổi về chỉ số IIP hàng tháng	Thường xuyên	Thống kê thành phố Hải Phòng	Sở Công Thương; Sở Tài chính, Ban Quản lý Kinh tế Hải Phòng	Báo cáo phân tích chỉ số IIP hàng tháng, xác định nguồn tăng/giảm sản lượng; kết quả của các doanh nghiệp tăng trưởng tăng/giảm so tháng trước và cùng kỳ.
2	Báo cáo cập nhật định kỳ hàng tháng khi có số liệu chính thức	Thường xuyên	Thống kê thành phố Hải Phòng	Sở Công Thương; Sở Tài chính, Ban Quản lý Kinh tế Hải Phòng, Thống kê thành phố Hải Phòng	Báo cáo phân tích chỉ số IIP hàng tháng, xác định nguồn tăng/giảm sản lượng; kết quả của các doanh nghiệp tăng trưởng tăng/giảm so tháng trước và cùng kỳ.
3	Tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp mẫu tính chỉ số IIP ngoài Khu công nghiệp, khu kinh tế có doanh thu, sản lượng thấp, giảm hàng tháng, tham mưu báo cáo những nội dung vượt thẩm quyền	Thường xuyên	Sở Công Thương	Ban Quản lý Kinh tế Hải Phòng, Sở, ngành liên quan, Thống kê thành phố Hải Phòng	Báo cáo, công văn tháo gỡ khó khăn
4	Tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp mẫu tính chỉ số IIP trong Khu công nghiệp, khu kinh tế có doanh thu, sản lượng thấp, giảm hàng tháng, tham mưu báo cáo những nội dung vượt thẩm quyền	Thường xuyên	Ban Quản lý Kinh tế Hải Phòng	Các Sở, ngành liên quan, Thống kê thành phố Hải Phòng	Báo cáo, công văn tháo gỡ khó khăn

PHỤ LỤC II: DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CÓ TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TRÊN 10 TRIỆU USD ĐÃ ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG VÀ DỰ KIẾN ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2026

(Kèm theo Chương trình số 05 /CTr-UBND ngày 09 /9 /2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
I	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế									
1	PVC Wear Layer	Công ty TNHH công nghiệp Double Oak Việt Nam	Lô B3-3.1, Khu công nghiệp Cộng Hòa, Phường Trần Hưng Đạo	x	Sản xuất sản phẩm từ plastic Quy mô, công suất: 12.100 tấn/năm		10,00		Hoàn thành xây dựng: Quý I/2026 - Quý III/2026 Sản xuất chính thức: Quý I/2026 - Quý III/2026	
2	Công ty TNHH công nghiệp cửa và cửa sổ Mexinbest (VN)	Công ty TNHH công nghiệp cửa và cửa sổ Mexinbest (VN)	Lô XN3, Khu công nghiệp Lai Cách, Phường Việt Hòa	x	- Sản xuất các cấu kiện kim loại - Bán buôn tổng hợp - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. - Quy mô, công suất: Sản xuất cửa chớp thép hợp kim nhôm: 32.000 sản phẩm/năm - Sản xuất cửa chớp thép: 13.000 sản phẩm/năm		10,26		Hoàn thành xây dựng: Quý IV/2025 Sản xuất chính thức: Quý III/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
					- Sản xuất cánh cửa thép: 28.000 sản phẩm/năm - Sản xuất cửa thép PVC: 20.000 sản phẩm/năm - Sản xuất cửa kính hợp kim nhôm: 4.200 sản phẩm/năm - Doanh thu thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn: 50.000.000 USD/năm					
3	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học AVA	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học AVA	Thuê lại một phần lô A13 (A13-5), Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng, Xã Kè Sặt	x	- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu - Bán buôn tổng hợp - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Quy mô, công suất: Sản xuất chất phụ gia bảo quản thực phẩm (kali sorbate): 10.000 tấn/năm. - Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) hàng hóa để phục vụ cho mục tiêu sản xuất chính theo quy định của pháp luật: Doanh thu khoảng 650.000.000.000 đồng/năm.		10,88		Hoàn thành xây dựng: Quý III/2026 Sản xuất chính thức: Quý IV/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
4	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Công ty TNHH khoa học kỹ thuật Genfu Việt Nam	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật Genfu Việt Nam	Một phần Lô CN-01.1a (ký hiệu là lô CN-01.1a), Khu công nghiệp Gia Lộc, Xã Gia Phúc	x	- Sản xuất linh kiện điện tử - Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện - Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác - Sản xuất pin và ắc quy - Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu - Bán buôn tổng hợp - Quy mô, công suất: Sản xuất bán mạch bán thành phẩm: Khoảng 1.200.000 sản phẩm/năm - Sản xuất biến tần bộ phận, stator và rotor phụ kiện của máy phát điện: khoảng 1.200.000 sản phẩm/năm - Sản xuất, lắp ráp bơm cao áp và bộ điều khiển của bơm cao áp: khoảng 100.000 sản phẩm/năm - Sản xuất, lắp ráp bộ nguồn điện di động, pin sạc dự phòng: khoảng 50.000 sản phẩm/năm		11,00		Hoàn thành xây dựng: Quý II/2026 Sản xuất chính thức: Quý IV/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
					- Sản xuất, lắp ráp hộp số của máy cắt cỏ: khoảng 50.000 sản phẩm/năm - Doanh thu từ quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các sản phẩm phục vụ mục tiêu sản xuất: Khoảng 138.000.000 đô la Mỹ/năm					
5	Nhà máy sản xuất của Iron man Packing Industry Co., Ltd tại Hải Phòng	Công ty TNHH Công nghiệp Bao bì Quang ích Việt Nam	Lô CN 7.1C, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2), Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải	x			11,70		Sản xuất chính thức: Quý III/2026	
6	ETRON VIETNAM TECHNOLOGIES	Công ty TNHH Etron Vietnam Technologies	Nhà xưởng A8 (nhà xưởng kí hiệu là A8-1, A8-2, A8-3), lô 6 Nhà xưởng FA2 (nhà xưởng kí	x	- Sản xuất linh kiện điện tử khác - Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính - Sản xuất thiết bị truyền thông - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển - Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học - Quy mô, công suất: Sản xuất, gia công và lắp ráp bảng mạch điện tử		12,00		Hoàn thành xây dựng: Không xây dựng Sản xuất chính thức: Nhà xưởng FA2: Quý III/2026.	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
			hiệu là FA2-1), lô 3 Nhà xưởng FA3 (nhà xưởng ký hiệu là FA3-1, FA3-2, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng		(PCBA), máy chủ (server), thiết bị tạo tia laser sợi quang, bảng điều khiển, thiết bị mạng, mô-đun linh kiện điện tử khác: 48.000.000 sản phẩm/năm.				Nhà xưởng A8: Quý I/2027. Nhà xưởng FA3: Quý III/2027	
7	Dự án Công ty TNHH Công nghệ chính xác Ruition	Công ty TNHH Công nghệ chính xác Ruition	Nhà xưởng F.E, Lô CN3-03, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải	x	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại Quy mô, công suất: (cho năm sản xuất ổn định) Các sản phẩm nam châm từ tính (có mã HS 85051110) dùng trong linh kiện điện tử: 850 triệu sản phẩm/năm, tương đương 800 tấn/năm; Bột nam châm và nam châm miếng (có mã HS 72029900) từ các sản phẩm nam châm từ tính (có mã HS 85051110): 185 tấn/năm		15,00		Hoàn thành xây dựng: Không xây dựng Sản xuất chính thức: Quý III/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
8	Nhà máy sản xuất nội thất Guohao Việt Nam	Công ty TNHH nội thất Guo Hao Việt Nam	Một phần lô đất XN4, một phần lô đất XN6, Khu công nghiệp Lai Cách, Phường Việt Hòa	x	- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; - Bán buôn tổng hợp - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Quy mô, công suất: Sản xuất, gia công bàn, tủ, kệ, linh kiện nội thất: 300.000 sản phẩm/năm - Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn hàng hóa: Doanh thu khoảng 10.000.000 đô la Mỹ/năm - Cho thuê văn phòng, nhà xưởng và các công trình phụ trợ đối dư: Doanh thu dự kiến 1.000.000 USD/năm và dưới 10 giao dịch/năm		15,00		Hoàn thành xây dựng: Quý IV/2026 Sản xuất chính thức: Quý IV/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
9	Nhà máy điện tử Sumida Việt Nam	Công ty TNHH điện tử Sumida Việt Nam	Lô CN6.1, Khu công nghiệp An Phát 1, Xã An Phú	x	- Sản xuất linh kiện điện tử khác - Quy mô, công suất: Tổng sản lượng: 393.000.000 sản phẩm/năm, trong đó: + Cuộn cảm: 244.000.000 sản phẩm/năm. + Lọc nhiễu: 36.000.000 sản phẩm/năm. + Biến áp nguồn: 108.000.000 sản phẩm/năm. + Cuộn ăng-ten (antenna): 5.000.000 sản phẩm/năm.		15,00		Hoàn thành xây dựng: Phần đã có: hoàn thành xây dựng cơ bản, hoạt động từ quý I/2026. Phần mục tiêu mới: hoàn thành lắp đặt máy móc mới từ quý IV/2026 đến quý I/2027. Sản xuất chính thức: Phần đã có: hoàn thành xây dựng cơ bản, hoạt động từ quý I/2026. Phần mục tiêu mới:	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
									hoàn thành lắp đặt máy móc mới từ quý IV/2026 đến quý I/2027.	
10	Dự án sản xuất và chế tạo dụng cụ cầm tay, đồ gia dụng	Công ty TNHH công thương Kintop Việt Nam	Lô XN13, Khu công nghiệp Lai Cách, Phường Việt Hòa	x	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Quy mô, công suất: Sản xuất, gia công dao: 4.000.000 sản phẩm/năm; Cho thuê nhà xưởng dư thừa (nếu có): diện tích khoảng 18.510 m ² (bao gồm nhà xưởng 3 diện tích 4.950 m ² , nhà xưởng 4 diện tích 4.950 m ² , nhà xưởng 5 diện tích		16,79		Hoàn thành xây dựng: Từ quý III/2024 đến quý III/2025 Sản xuất chính thức: Quý I/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
					3.660 m ² , nhà xưởng 6 diện tích 4.950 m ²)					
11	Nhà máy sản xuất KPF Việt Nam II	Công ty TNHH KPF Việt Nam	Lô XN2-1A, Khu công nghiệp Đại An mở rộng, Phường Tứ Minh	x	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Quy mô, công suất: Sản xuất, gia công: Đinh, ghim; đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; các sản phẩm đinh vít; bu-lông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự với quy mô khoảng 1.575.000.000 sản phẩm/năm; Doanh thu từ hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn), quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) đối		19,82		Hoàn thành xây dựng: Quý II/2026 Sản xuất chính thức: Quý III/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
					với sản phẩm, hàng hóa mà pháp luật Việt Nam cho phép trung bình hàng năm đạt 15.000.000 đô la Mỹ/năm					
12	Nhà máy sản xuất đèn LED	Công ty TNHH PVTECH Lighting (Việt Nam)	Lô 16, Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng	x	Sản xuất linh kiện điện tử; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất đồ kim loại dùng trong xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp. Quy mô, công suất: Bóng đèn đi-ốt phát sáng (LED): 50.000.000 sản phẩm/năm Công tác nguồn điện, phụ kiện thông minh của đèn LED: 25.000.000 sản phẩm/năm Linh kiện của đèn LED (sản xuất, gia công): 25.000.000 sản phẩm/năm Cho thuê máy móc, thiết bị: Doanh thu khoảng 200.000.000 đồng/năm; Thiết kế chiếu sáng:		20,00		Hoàn thành xây dựng: 2026-03-01 00:00:00 Sản xuất chính thức: Từ tháng 8/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
					Doanh thu khoảng 100.000 đô la Mỹ/năm Lắp đặt hệ thống điện: Doanh thu khoảng 100.000 đô la Mỹ/năm Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam: Doanh thu khoảng 1.000.000 đô la Mỹ/năm					
13	Công ty TNHH sản xuất ATR (Việt Nam)	Công ty TNHH sản xuất ATR (Việt Nam)	Một phần lô CN1 (lô CN1.1), Khu công nghiệp An Phát 1, Xã Trần Phú	x	Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất đồ chơi, trò chơi; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất máy thông dụng khác; Quy mô, công suất: Gia công, lắp ráp linh kiện điện tử: 88.685 kg/năm; Gia công, lắp ráp sản phẩm điện tử dân dụng, điện tử thông minh, các thiết bị cảm ứng, liên lạc, internet, bluetooth, điện tử phục vụ chăm sóc sức khỏe: 60.857 kg/năm; Gia công, lắp ráp đồ điện dân dụng, thiết bị điện thông minh: 184.687 kg/năm; Gia công, lắp ráp đồ chơi, trò chơi: 189.380 kg/năm; Sản xuất, gia công,		21,00		Hoàn thành xây dựng: Quý II/2026 Sản xuất chính thức: Quý II/2026	



TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
					lắp ráp các sản phẩm từ nhựa: 33.107 kg/năm; Gia công, lắp ráp máy thông dụng khác và các thành phần, phụ kiện liên quan: 52.560 kg/năm					
14	Nhà máy thép Baosteel Việt Nam (Hải Phòng)	Công ty TNHH Trung tâm Dịch vụ thép Baosteel Việt Nam (Hải Phòng)	Lô CN5.1A, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải	x	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Quy mô, công suất: Sản phẩm bằng thép, nhôm: 120.000 Tấn; Doanh thu dự kiến từ hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam: 1.000.000 Đô la Mỹ		22,46	2025	Hoàn thành xây dựng: Quý III/2026 Sản xuất chính thức: Quý III/2026	
15	Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Dextra Technology (Việt Nam)	CÔNG TY TNHH DEXTRA TECHNOLOGY (VIỆT NAM)	Lô CN7-2, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), Khu kinh tế Đình Vũ -	x			23,80	2024	Hoàn thành xây dựng: Quý IV/2025 Sản xuất chính thức: Quý I/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
			Cát Hải, Phường Đông Hải							
16	Nhà máy sản xuất sản phẩm cho ngành bán dẫn và Công nghiệp của VAV	Công ty TNHH Valqua Việt Nam	1. Địa điểm số 01: Lô B1, B2, B3, KCN Phúc Điền. 2. Địa điểm số 02: Một phần lô A3 (ký hiệu là lô A3-4), KCN Phúc Điền mở rộng, Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng, Xã Kê Sặt	x			42,93		Hoàn thành xây dựng: 2026-12-01 00:00:00 Sản xuất chính thức: NM1: 10/2027 NM2: 05/2026	
17	Nhà máy Shilla Corporation Vietnam	Công ty TNHH Shilla Corporation Vietnam	Lô CN7.2F, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 2), Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,	x			52,40	2024	Hoàn thành xây dựng: Quý II/2026 Sản xuất chính thức: Quý II/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
			Phường Đông Hải							
18	Dự án nhà máy sản xuất đồ nội thất ngoài trời	Công ty TNHH Sunshine (VietNam) Leisure Products	Lô XN12A, Khu công nghiệp Đại An mở rộng, Phường Tứ Minh	x			60,00		Hoàn thành xây dựng: Từ quý II/2025 đến quý II/2026 Sản xuất chính thức: Quý III/2026.	
19	Dự án Nhà máy nhôm Thịnh Phát	Công ty Cổ phần Đầu Tư sản xuất và phát triển Thịnh Phát	Lô XN17-1 thuộc một phần lô XN17, Khu công nghiệp Lai Cách, Phường Việt Hòa	x		258,65			Hoàn thành xây dựng: Tháng 4/2024 đến tháng 4/2026 Sản xuất chính thức: 2026-04-01 00:00:00	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
20	Nhà máy của Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp	Công ty CP sản xuất & thương mại Đông Hiệp	Một phần lô đất A3 (ký hiệu là lô A3-1), Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng, Xã Kè Sặt	x	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Quy mô, công suất: Sản xuất các sản phẩm từ vải không dệt dạng khô và dạng ướt: Khăn ướt các loại 47.476.800 gói/năm; khăn khô đa năng 26.006.400 túi/năm; bông tẩy trang 5.670.000 gói/năm; Sản xuất mỹ phẩm dạng lỏng, kem và gel - Mỹ phẩm làm sạch: Nước tẩy trang 300.000 chai/năm; bột tắm gội 600.000 chai/năm; dầu tắm gội 600.000 chai/năm; sữa tắm gội 600.000 chai/năm; sữa rửa mặt 600.000 chai/năm; gel rửa mặt 300.000 chai/năm; nước rửa tay 300.000 chai/năm; bột rửa tay	275,0 0			Hoàn thành xây dựng: Quý I/2026 Sản xuất chính thức: Quý II/2026	

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
					300.000 chai/năm; dung dịch vệ sinh phụ nữ 300.000 chai/năm Sản xuất mỹ phẩm dạng lỏng, kem và gel - Mỹ phẩm dưỡng da: Kem dưỡng da mặt 3.000.000 chai/năm; kem dưỡng thể 3.000.000 chai/năm Sản xuất mỹ phẩm dạng lỏng, kem và gel - Mỹ phẩm dạng mặt nạ: Mặt nạ dưỡng da 11.340.000 chiếc/năm; Sản xuất chế phẩm vệ sinh dạng lỏng và gel: Nước rửa bình sữa và rau quả 1.210.000 chai/năm; nước giặt xả 600.000 chai/năm; nước rửa bát 300.000 chai/năm; nước lau sàn 300.000 chai/năm; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu: Khăn giấy khô 293.500 túi/năm; vỏ bao đũa bằng giấy 9.690.000 chiếc/năm; Sản xuất các sản phẩm từ plastic: Chai nhựa, lọ nhựa 3.000.000 chai/lọ/năm Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Doanh thu khoảng 1.000.000.000 đồng/năm; Cho thuê nhà xưởng đôi dư: Doanh thu dự kiến 9,6 tỷ đồng/năm					

TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
21	Dự án xây dựng nhà máy đóng và sửa chữa tàu, khai thác hàng tổng hợp Phú Thành, kinh doanh chế biến than, vật liệu xây dựng, cho thuê kho bãi, xếp dỡ hàng hóa	Công ty Cổ phần Quốc tế Thiên Phú Thành	Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Thủy Nguyên	x	Đóng tàu và cấu kiện nổi; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (đường thủy); Bốc xếp hàng hóa Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Quy mô, công suất: Công suất đóng, sửa chữa tàu qua nhà máy: từ 20 đến 25 tàu/năm; Công suất kinh doanh chế biến than, vật liệu xây dựng, thuê kho bãi, xếp dỡ hàng tổng hợp: khoảng 10 triệu tấn/năm	500			Hoàn thành xây dựng: Quý I/2026 Sản xuất chính thức: Quý III/2026	
II Ngoài Khu công nghiệp, khu kinh tế										
1	Dự án may Tinh Lợi 3 -1B	Công ty TNHH May Tinh Lợi	Cụm công nghiệp Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp		Sản xuất hàng may mặc quy mô 39.000.000 sản phẩm/năm		35	2025	18 tháng, kể từ ngày 18/6/2025	Tháng 11/2026



TT	Tên dự án	Tên tổ chức kinh tế/ Tên doanh nghiệp	Địa điểm thực hiện	Trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Ngành nghề đầu tư và quy mô, công suất	Tổng vốn đầu tư		Năm khởi công	Thời gian hoàn thành (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Thời gian hoàn thành/ thời gian dự kiến hoạt động (theo báo cáo của Nhà đầu tư)
						Dự án trong nước (tỷ đồng)	Dự án FDI (triệu USD)			
2	Dự án sản xuất đồ chơi	Công ty TNHH Clapton Whale	Cụm công nghiệp Tiên Cường II, xã Quyết Thắng		Sản xuất, gia công đồ chơi trẻ em, quy mô 22.000 tấn/năm		28	2025	Tháng 10/2026	Tháng 10/2026
3	Nhà máy sản xuất nhôm hợp kim định hình	Công ty TNHH Alxin Singapore	Cụm công nghiệp Cao Thắng		Nghiên cứu, phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình bao gồm: Nhôm tĩnh điện, nhôm phủ PVDF..., đúc nhôm (sản xuất, kinh doanh thanh nhôm)		76,18	2026	Quý IV/2026	Tháng 8/2026
TỔNG CỘNG						1.033,65	529,22			